

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

DN:

OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:

0304200346, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN

XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII, L=TPHCM,

C=VN

Reason: I am the author of this

document

Location:

Date: 2018-03-29 10:39:05

Foxit Reader Version: 9.0.0

tháng 3 năm 2018

**CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY
DỰNG HẠ
TẦNG CII**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Hồ Đắc Hậu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiền

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Số: 707/2018/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018



Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.654.143.264.130	1.163.208.779.800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	102.348.349.253	28.252.403.191
1. Tiền	111		92.348.349.253	27.007.265.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	1.245.137.940
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.001	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		829.353.286.614	739.263.203.204
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	209.193.970.548	235.421.876.340
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	158.662.477.413	74.639.188.028
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	197.574.190.058	175.070.876.025
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	268.798.317.752	258.175.582.980
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.875.669.157)	(4.044.320.169)
IV. Hàng tồn kho	140	11	707.809.014.052	388.772.185.031
1. Hàng tồn kho	141		707.809.014.052	388.772.185.031
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.632.453.210	6.920.827.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.492.005.438	640.445.767
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.140.447.772	6.248.289.346
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23.a	-	32.092.260

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

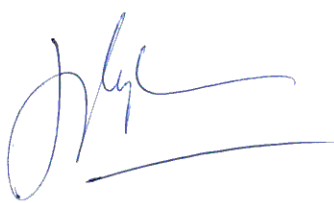
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		318.320.441.114	141.093.006.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.193.393.790	18.558.839.752
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	5.193.393.790	18.558.839.752
II. Tài sản cố định	220		113.150.761.468	44.121.146.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	78.117.214.194	24.143.191.480
- Nguyên giá	222		138.779.122.063	65.917.225.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.661.907.869)	(41.774.034.244)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	27.701.501.067	19.855.671.319
- Nguyên giá	225		33.309.876.347	21.672.603.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.608.375.280)	(1.816.932.301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	7.332.046.207	122.283.428
- Nguyên giá	228		8.831.388.649	942.857.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.499.342.442)	(820.573.715)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	4.997.156.733	5.284.084.812
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	6.879.035.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(1.594.951.084)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		856.323.202	649.993.093
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	856.323.202	649.993.093
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	18	120.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		74.122.805.921	72.478.943.105
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	38.176.272.024	29.452.765.968
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19.a	2.240.322.516	4.825.804.238
3. Lợi thế thương mại	269	20	33.706.211.381	38.200.372.899
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.972.463.705.244	1.304.301.786.789

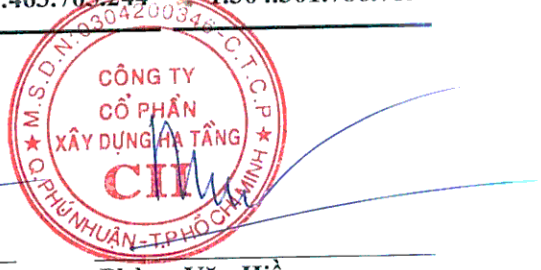
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.461.813.168.179	839.287.331.765
I. Nợ ngắn hạn	310		1.445.611.725.421	828.475.007.026
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	150.621.959.964	98.850.086.741
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	518.569.074.907	156.522.607.872
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23.b	15.464.399.057	7.078.344.723
4. Phải trả người lao động	314		6.041.439.187	3.377.709.386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	2.983.152.035	2.564.220.683
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7.800.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25.a	67.739.064.083	47.371.527.366
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26.a	683.128.448.953	504.910.510.255
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.064.187.235	-
II. Nợ dài hạn	330		16.201.442.758	10.812.324.739
1. Phải trả dài hạn khác	337	25.b	5.750.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26.b	10.357.168.490	10.812.324.739
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19.b	94.274.268	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		510.650.537.065	465.014.455.024
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	510.650.537.065	465.014.455.024
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.099.220.906	6.491.138.089
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.970.101.299	43.123.316.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(689.672.346)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		88.659.773.645	43.123.316.935
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		181.214.860	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.972.463.705.244	1.304.301.786.789


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018


Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

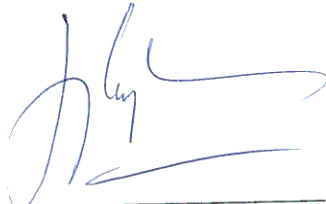

Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	830.401.835.217	828.202.138.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	830.401.835.217	828.202.138.682
4. Giá vốn hàng bán	11	29	667.009.399.049	732.337.721.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		163.392.436.168	95.864.416.970
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	42.225.388.058	33.687.998.072
7. Chi phí tài chính	22	31	59.447.529.137	36.983.262.292
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.446.566.852	36.983.262.292
8. Chi phí bán hàng	25	32	6.294.285.868	76.534.443
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	54.530.184.495	31.033.814.498
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		85.345.824.726	61.458.803.809
11. Thu nhập khác	31	34	27.841.627.499	13.655.054.307
12. Chi phí khác	32	35	3.752.508.428	6.464.524.091
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		24.089.119.071	7.190.530.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		109.434.943.797	68.649.334.025
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	16.462.665.473	14.666.366.186
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	2.679.755.991	(904.415.040)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		90.292.522.333	54.887.382.879
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		90.270.559.651	54.887.382.879
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		21.962.682	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.023	1.329


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018


Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng


Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	109.434.943.797	68.649.334.025
2. Điều chỉnh cho các khoản			
<i>Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT</i>	2	257.660.996	2.765.986.192
<i>Các khoản dự phòng</i>	3	419.926.889	889.528.479
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	4	962.285	
<i>Lãi từ hoạt động đầu tư</i>	5	(41.406.730.568)	(37.351.037.378)
<i>Chi phí lãi vay</i>	6	59.446.566.852	35.853.982.929
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	128.153.330.252	70.807.794.247
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(62.273.054.185)	(91.341.460.526)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(254.423.143.329)	72.048.181.235
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	320.608.141.470	(74.210.721.334)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(9.351.900.735)	(12.320.738.989)
Tiền lãi vay đã trả	14	(52.990.638.282)	(40.267.554.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.108.646.670)	(33.251.339.440)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.244.803.743)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.369.284.777	(108.535.839.711)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

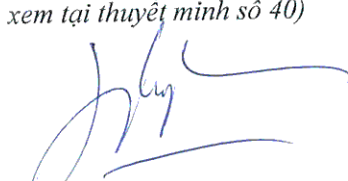
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

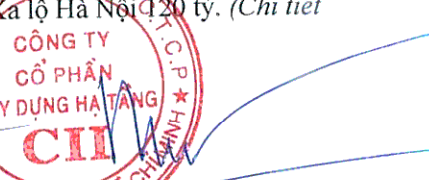
CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.099.670.319)	(3.408.967.411)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	420.000.000	6.239.447.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(367.000.000.000)	(260.369.004.831)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.583.188.649	71.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(2.508.552.477)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	95.236.532	17.769.993.149
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.276.431.516	32.627.650.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(350.724.813.622)	(138.649.434.126)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.930.586.510.768	1.902.398.528.471
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.549.577.727.557)	(1.721.871.823.799)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(10.515.537.752)	(6.373.285.660)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.808.267)	(92.874.145.539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	370.452.437.192	96.279.273.473
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	74.096.908.347	(150.906.000.364)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.252.403.191	179.158.403.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(962.285)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	102.348.349.253	28.252.403.191

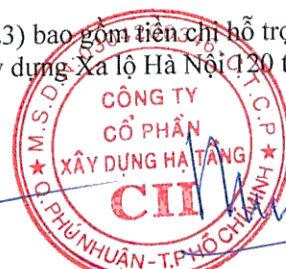
Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Dòng tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác (Mã số 23) bao gồm tiền chi hỗ trợ vốn cho CII 247 tỷ và tiền chi mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xã lộ Hà Nội 120 tỷ. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 40)


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018


Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng


Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 99,81% cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lử Gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 06 tháng 10 năm 2014.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chính thức niêm yết toàn bộ cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”) đã thực hiện thành công giao dịch mua 830.000 cổ phần của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu từ 49% lên 51%, do đó Công ty trở thành công ty con của Công ty CII kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 45
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và quyền khai thác khoáng sản. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm. Quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa duy tu mở khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016. Theo đó, Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ để trích lập, tỷ lệ trích lập căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng ..

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mạng sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ...

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	570.397.261	89.902.915
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	91.777.951.992	26.917.362.336
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	1.245.137.940
Cộng	102.348.349.253	28.252.403.191

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng và hưởng lãi suất 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	49.143.411.672	15.108.389.255
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	26.161.866.173	7.002.023.268
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	17.276.362.210	666.037.105
Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	14.847.188.802	17.579.940.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	13.104.162.285	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	12.603.932.389	19.883.594.451
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	73.620.073.257
Phải thu các khách hàng khác	76.057.047.017	101.561.818.202
Cộng	209.193.970.548	235.421.876.340
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	<i>35.194.383.946</i>	<i>145.929.570.068</i>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	58.766.466.220	32.239.580.759
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	31.544.135.565	26.927.270.540
Các đối tượng khác	68.351.875.628	15.472.336.729
Cộng	158.662.477.413	74.639.188.028
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	<i>35.550.000</i>	<i>52.050.000</i>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	197.574.190.058	175.070.876.025
<i>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	<i>197.574.190.058</i>	<i>175.070.876.025</i>

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 và phụ lục hợp đồng ký ngày 21 tháng 03 năm 2017 với hạn mức hỗ trợ là 410 tỷ VND. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cao nhất trong năm của tổ chức tín dụng mà Công ty có giao dịch vay. Lãi suất được hưởng hiện tại là 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công, ban quản lý dự án các công trình xây dựng	193.506.062.772	158.842.137.707
Ký cược, ký quỹ	30.103.918.999	1.450.560.506
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	18.420.076.305	-
Các khoản chi hộ	9.631.425.154	7.387.740.349
Phải thu người lao động	5.658.176.360	1.103.279.612
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ		
thuê tài chính	1.806.816.184	1.614.615.226
Trả trước tiền mua cổ phần	-	78.000.000.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	1.091.362.698
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	-	23.520.000
Các khoản phải thu khác	8.959.969.239	8.662.366.882
	268.798.317.752	258.175.582.980
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	5.193.393.790	18.558.839.752
	5.193.393.790	18.558.839.752
Cộng	273.991.711.542	276.734.422.732
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	<i>17.922.788.249</i>	<i>78.000.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá gốc VND
Phải thu khách hàng	2.919.523.564	80.536.678	2.838.986.886	2.763.646.207
Ứng trước cho nhà cung cấp	419.262.463	125.778.739	293.483.724	-
Phải thu khác	1.743.198.547	-	1.743.198.547	1.743.198.547
Cộng	5.081.984.574	206.315.417	4.875.669.157	4.506.844.754
				462.524.585
				4.044.320.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.997.952.124	-	39.821.536.953	-
Công cụ, dụng cụ	340.866.744	-	11.091.534.468	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	612.028.788.634	-	276.668.597.557	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	33.182.531.821	-	58.365.807.525	-
Thành phẩm	21.111.369.229	-	2.824.708.528	-
Hàng hóa	15.147.505.500	-	-	-
Cộng	707.809.014.052	-	388.772.185.031	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	757.946.687	599.224.867
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	104.914.051	41.220.900
Chi phí khác chờ phân bổ	629.144.700	-
	1.492.005.438	640.445.767
b. Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.841.674.095	4.519.597.143
Chi phí đền bù, trùng tu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	10.961.663.411	11.074.144.381
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	1.503.759.545	3.007.519.091
Chi phí thuê tài sản chờ phân bổ	-	9.701.700.418
Chi phí khác chờ phân bổ	12.869.174.973	1.149.804.935
	38.176.272.024	29.452.765.968
Cộng	39.668.277.462	30.093.211.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	7.015.444.408	43.568.408.169	14.187.644.147	1.145.729.000	65.917.225.724
Mua trong kỳ	382.790.909	6.481.077.608	7.455.308.182	289.772.077	14.608.948.776
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.420.323.000	-	-	-	2.420.323.000
Tăng do hợp nhất	29.276.707.484	25.012.810.619	2.499.078.310	109.330.150	56.897.926.563
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	(1.000.000.000)	(65.302.000)	-	(1.065.302.000)
Tại ngày 31/12/2017	39.095.265.801	74.062.296.396	24.076.728.639	1.544.831.227	138.779.122.063
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	4.732.839.594	27.904.105.305	8.359.927.377	777.161.968	41.774.034.244
Khấu hao trong kỳ	1.495.140.795	7.378.416.296	2.466.417.167	169.510.582	11.509.484.839
Tăng do hợp nhất	1.464.875.136	5.451.210.962	533.465.963	80.591.132	7.530.143.193
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	(119.086.021)	(32.668.386)	-	(151.754.407)
Tại ngày 31/12/2017	7.692.855.525	40.614.646.542	11.327.142.121	1.027.263.682	60.661.907.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	2.282.604.814	15.664.302.864	5.827.716.770	368.567.032	24.143.191.480
Tại ngày 31/12/2017	31.402.410.276	33.447.649.854	12.749.586.518	517.567.545	78.117.214.194

Nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản tăng do hợp nhất thể hiện số dư tài sản tại ngày kiểm soát của các công ty con được mua trong năm. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 26.758.818.432 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 21.058.594.924 VND).

Công ty đã sử dụng một số tài sản như nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 52.755.256.506 VND và 13.633.563.142 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 13.206.384.447 VND và 4.488.383.774 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	21.672.603.620
Thuê trong kỳ	11.637.272.727
Tại ngày 31/12/2017	33.309.876.347
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	1.816.932.301
Khấu hao trong kỳ	3.791.442.979
Tại ngày 31/12/2017	5.608.375.280
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	19.855.671.319
Tại ngày 31/12/2017	27.701.501.067

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vì tính VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	142.857.143	200.000.000	600.000.000	942.857.143
Mua trong kỳ	561.000.000	60.000.000	-	621.000.000
Tăng do hợp nhất	7.167.531.506	100.000.000	-	7.267.531.506
Tại ngày 31/12/2017	7.871.388.649	360.000.000	600.000.000	8.831.388.649
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	113.690.482	106.883.233	600.000.000	820.573.715
Khấu hao trong kỳ	219.098.712	54.605.345	-	273.704.057
Tăng do hợp nhất	384.247.648	20.817.022	-	405.064.670
Tại ngày 31/12/2017	717.036.842	182.305.600	600.000.000	1.499.342.442
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	29.166.661	93.116.767	-	122.283.428
Tại ngày 31/12/2017	7.154.351.807	177.694.400	-	7.332.046.207

Nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản tăng do hợp nhất thể hiện số dư tài sản tại ngày kiểm soát của các công ty con được mua trong năm. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 702.857.143 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 702.857.143 VND).

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 7.728.531.506 VND và 574.179.699 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 0 VND và 0 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
Thanh lý trong kỳ	-	(1.042.048.528)	(1.042.048.528)
Tại ngày 31/12/2017	5.836.987.368	-	5.836.987.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	839.830.635	755.120.449	1.594.951.084
Thanh lý trong kỳ	-	(755.120.449)	(755.120.449)
Tại ngày 31/12/2017	839.830.635	-	839.830.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	4.997.156.733	286.928.079	5.284.084.812
Tại ngày 31/12/2017	4.997.156.733	-	4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm, công ty đã thu hồi lại nhà và miếng đất đang cho thuê đồng thời đã phá bỏ toàn bộ ngôi nhà trên đất, vì vậy, công ty đã ghi giảm giá trị toàn bộ của căn nhà và không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất này.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*Chi tiết xem tại thuyết minh số 26*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí xây dựng nhà máy gạch không nung	206.330.109	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	649.993.093	649.993.093
Cộng	856.323.202	649.993.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	120.000.000.000	-

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.

19. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.921.389.198
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(904.415.040)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.825.804.238
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	2.585.481.722
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.240.322.516
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(94.274.268)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	94.274.268
Thu nhập thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	2.679.755.991

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	42.694.534.416
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(4.494.161.517)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	38.200.372.899
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(4.494.161.518)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	33.706.211.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	41.149.643.276	41.149.643.276	27.848.550.885	27.848.550.885
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	12.999.168.550	12.999.168.550	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	6.506.067.037	6.506.067.037	6.092.689.472	6.092.689.472
Công ty TNHH Thương mại Thép Nhật Phát	5.338.507.516	5.338.507.516	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	12.503.702.630	12.503.702.630
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	5.404.253.574	5.404.253.574	3.497.382.059	3.497.382.059
Công ty TNHH Toàn Phát Thịnh E&C	3.909.463.260	3.909.463.260	3.697.908.000	3.697.908.000
Công ty Cổ phần ROADCO	2.356.566.490	2.356.566.490	3.390.807.713	3.390.807.713
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	1.734.262.119	1.734.262.119	6.620.111.558	6.620.111.558
Các nhà cung cấp khác	66.224.028.142	66.224.028.142	35.198.934.424	35.198.934.424
Cộng	150.621.959.964	150.621.959.964	98.850.086.741	98.850.086.741
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan</i>				
		7.104.788.576		12.516.545.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	241.075.263.282	3.507.412.334
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	171.821.982.226	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	21.787.546.006	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	113.777.119.094
Các đối tượng khác	83.884.283.393	39.238.076.444
Cộng	518.569.074.907	156.522.607.872
<i>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	<i>434.684.791.514</i>	<i>117.284.531.428</i>

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.092.260	32.092.260	-	-
Cộng	32.092.260	32.092.260	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.552.166.873	1.403.497.078	1.661.491.047	1.294.172.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.059.482.169	17.757.583.379	13.108.646.670	8.708.418.878
Thuế thu nhập cá nhân	679.598.765	2.679.770.562	1.385.037.496	1.974.331.831
Các khoản phải nộp khác	787.096.916	5.828.927.904	3.128.549.376	3.487.475.444
Cộng	7.078.344.723	27.669.778.923	19.283.724.589	15.464.399.057

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.878.152.035	1.483.386.683
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	105.000.000	1.080.834.000
Cộng	2.983.152.035	2.564.220.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	116.838.066	50.450.820
Bảo hiểm xã hội	113.316.245	1.710.571.660
Bảo hiểm y tế	19.189.890	112.181.225
Bảo hiểm thất nghiệp	9.608.985	57.466.588
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh và hợp tác đầu tư	123.499.839	69.444.444
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40.637.580.100	81.406.557
Phải trả các Công ty thi công Quốc lộ 1 tỉnh Ninh Thuận	19.499.026.442	23.842.307.577
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	6.125.205.904	19.150.275.544
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	1.410.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	684.798.612	887.422.951
	67.739.064.083	47.371.527.366
b. Dài hạn		
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	5.750.000.000	-
	5.750.000.000	-
Cộng	220.179.323.244	47.371.527.366
<i>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	21.165.112.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Ngắn hạn						
Các khoản vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	673.733.576.873	673.733.576.873	1.146.393.327.449	970.916.007.248	498.256.256.672	498.256.256.672
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	308.201.197.464	308.201.197.464	557.753.255.874	540.164.377.171	290.612.318.761	290.612.318.761
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	198.930.441.987	198.930.441.987	249.748.715.414	188.555.682.850	137.737.409.423	137.737.409.423
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Sài Gòn	118.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	38.061.693.449	38.061.693.449	186.438.945.730	148.377.252.281	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	9.795.527.153	9.795.527.153	33.707.693.611	33.818.694.946	9.906.528.488	9.906.528.488
Cộng	9.394.872.080	9.394.872.080			6.654.253.583	6.654.253.583
	683.128.448.953	683.128.448.953	1.146.393.327.449	970.916.007.248	504.910.510.255	504.910.510.255
b. Dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	19.752.040.570	19.752.040.570	12.801.000.000	10.515.537.752	17.466.578.322	17.466.578.322
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(9.394.872.080)	(9.394.872.080)			(6.654.253.583)	(6.654.253.583)
Cộng	10.357.168.490	10.357.168.490	12.801.000.000	10.515.537.752	10.812.324.739	10.812.324.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	308.201.197.464	6 tháng	10/03/2018	6% - 7,5% :	Bổ sung vốn lưu động và thực hiện bảo lãnh thi công các công trình xây dựng.	- Quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; - Xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48; - Xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	198.930.441.987	6 tháng	01/06/2018	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	118.744.716.820	12 tháng	22/03/2018	7,5%	Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty CII E&C với bên thứ 3.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 15 tỷ đồng.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Sài Gòn	38.061.693.449	6 tháng	25/10/2018	6,5%	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	9.795.527.153	12 tháng	30/06/2018	7,0%	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

Số dư nợ thuê tài chính dài hạn theo các hợp đồng ký với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam với thời hạn thuê từ 3 tới 4 năm, lãi suất thuê từ 8% tới 8,5%/năm. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,5% giá thuê ban đầu.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính	21.762.322.299	19.494.425.464	19.752.040.570	17.466.578.322
Trong vòng một năm	10.590.504.947	7.792.944.618	9.394.872.080	6.654.253.583
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.171.817.352	11.701.480.846	10.357.168.490	10.812.324.739
Sau năm năm	-	-	-	-
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(2.010.281.729)	(2.027.847.142)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	19.752.040.570	17.466.578.322	19.752.040.570	17.466.578.322
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng			(9.394.872.080)	(6.654.253.583)
Số phải trả sau 12 tháng			10.357.168.490	10.812.324.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	350.251.935	-	402.597.237.900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	54.887.382.879	-	54.887.382.879
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	(723.118.446)	-	(723.118.446)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(350.666.666)	-	(350.666.666)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.396.380.643)	-	(6.396.380.643)
Trích các quỹ trong năm	-	-	4.644.152.124	(4.644.152.124)	-	-
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	6.491.138.089	43.123.316.935	-	465.014.455.024
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	90.270.559.651	21.962.682	90.292.522.333
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	188.098.332	188.098.332
Chia cổ tức	-	-	-	(41.500.000.000)	(28.846.154)	(41.528.846.154)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(65.718.500)	-	(65.718.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.927.337.477)	-	(2.927.337.477)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	608.082.817	(608.082.817)	-	-
Chi khen thưởng khác	-	-	-	(315.935.000)	-	(315.935.000)
Giảm khác	-	-	-	(6.701.493)	-	(6.701.493)
Tại ngày 31/12/2017	415.000.000.000	400.000.000	7.099.220.906	87.970.101.299	181.214.860	510.650.537.065

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ-CII&C của Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	211.651.120.000	49,00%	203.350.000.000
Các cổ đông khác	49,00%	203.348.880.000	51,00%	211.650.000.000
Cộng	100%	415.000.000.000	100%	415.000.000.000

Cổ phần

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phần: 10:000 VND/cổ phần		

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	579.889.479.443	718.551.321.035
Doanh thu bán hàng	246.048.429.357	92.972.435.262
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.463.926.417	16.678.382.385
Cộng	830.401.835.217	828.202.138.682
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	830.401.835.217	828.202.138.682
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)</i>	<i>519.174.375.071</i>	<i>693.689.098.773</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	458.418.411.092	643.144.944.702
Giá vốn hàng đã bán	206.426.846.571	75.953.990.062
Giá vốn của dịch vụ	2.164.141.387	13.238.786.948
Cộng	667.009.399.049	732.337.721.712

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.104.878.017	26.584.067.488
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	294.000.000
Lãi phát sinh từ khoản ứng vốn cho nhà thầu thi công	7.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán (i)	(379.489.959)	4.619.417.000
Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	2.190.513.584
Cộng	42.225.388.058	33.687.998.072

Trong đó: Doanh thu tài chính phát sinh là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)

33.271.489.796	2.824.029.133
----------------	---------------

(i) Khoản điều chỉnh lợi nhuận được chia năm 2016 từ hợp đồng liên kết đầu tư với Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng.

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	57.558.791.109	35.853.982.929
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.887.775.743	1.129.279.363
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	962.285	-
Cộng	59.447.529.137	36.983.262.292

Trong đó: Chi phí tài chính phát sinh là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40 - Bên liên quan)

13.695.387.514	9.531.942.201
----------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	1.065.342.525	-
Chi phí vật liệu bao bì	342.705.984	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.613.734	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.202.044.025	76.534.443
Chi phí bằng tiền khác	662.579.600	-
Cộng	6.294.285.868	76.534.443

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.282.797.308	15.541.907.191
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.999.604.526	407.314.428
Chi phí khấu hao	1.709.109.931	806.221.522
Chi phí công tác, tiếp khách	1.607.251.668	2.933.632.419
Chi phí dự phòng	831.348.988	886.930.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.698.133.212	4.727.010.525
Chi phí bằng tiền khác	3.907.777.344	1.236.636.416
Phân bổ lợi thế thương mại	4.494.161.518	4.494.161.517
Cộng	54.530.184.495	31.033.814.498

34. THU NHẬP KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	27.611.132.397	10.785.927.008
Thu từ thanh lý tài sản cố định	67.366.385	2.837.306.969
Thu nhập khác	163.128.717	31.820.330
Cộng	27.841.627.499	13.655.054.307

35. CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ và CCDC thanh lý	804.205.694	2.638.360.000
Các khoản phạt vi phạm hành chính khác	153.692.768	65.815.710
Các khoản phạt vi phạm thuế	1.041.838.447	2.324.786.831
Thuế GTGT bị truy thu	1.620.572.688	-
Hoàn nhập các khoản phạt các năm trước	-	(279.305.771)
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	128.124.901	1.714.867.321
Chi phí khác	4.073.930	-
Cộng	3.752.508.428	6.464.524.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	109.434.943.797	68.649.334.025
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	4.191.349.967	3.847.674.077
Lợi thế thương mại phân bổ	4.494.161.518	4.494.161.517
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	(13.037.178.614)	6.653.735.185
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(27.611.132.397)	(10.785.927.008)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	379.489.959	(5.192.722.771)
Thu nhập chịu thuế	77.851.634.230	67.666.255.025
Chuyển lỗ		-
Thu nhập tính thuế	77.851.634.230	67.666.255.025
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	15.570.326.847	13.533.251.005
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	892.338.626	1.133.115.181
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.462.665.473	14.666.366.186

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	90.270.559.651	54.887.382.879
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.318.939.176)	(1.636.049.084)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	83.951.620.475	53.251.333.795
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	41.500.000	40.053.967
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.023	1.329

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	804.107.899.854	359.157.671.002
Chi phí nhân công	97.829.810.064	53.183.714.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.649.329.887	8.814.005.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.894.217.338	350.089.951.251
Chi phí bằng tiền khác	22.434.953.905	10.286.930.462
Cộng	1.390.916.211.048	781.532.272.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu thuần	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	246.048.429.357	579.889.479.443	4.463.926.417	-	830.401.835.217
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	280.428.561.457	104.913.211.673	12.949.985.688	(398.291.758.818)	-
Cộng	526.476.990.814	684.802.691.116	17.413.912.105	(398.291.758.818)	830.401.835.217
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	206.426.846.571	458.418.411.092	2.164.141.387	-	667.009.399.049
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	277.654.478.753	127.657.207.796	6.193.607.675	(411.505.294.225)	-
Cộng	484.081.325.324	586.075.618.888	8.357.749.062	(411.505.294.225)	667.009.399.049
Lợi nhuận gộp bộ phận	42.395.665.490	98.727.072.228	9.056.163.043	13.213.535.407	163.392.436.168
Doanh thu hoạt động tài chính					42.225.388.058
Chi phí tài chính					59.447.529.137
Chi phí bán hàng					6.294.285.868
Chi phí quản lý doanh nghiệp					54.530.184.495
Thu nhập khác					27.841.627.499
Chi phí khác					3.752.508.428
Chi phí thuế TNDN hiện hành					16.462.665.473
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					2.679.755.991
Tổng lợi nhuận sau thuế					90.292.522.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu thuần	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	92.972.435.262	718.551.321.035	16.678.382.385	-	828.202.138.682
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	46.260.235.534	14.005.137.273	6.905.454.546	(67.170.827.353)	-
Cộng	139.232.670.796	732.556.458.308	23.583.836.931	(67.170.827.353)	828.202.138.682
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	75.953.990.062	643.144.944.702	13.238.786.948	-	732.337.721.712
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	39.095.008.629	17.459.914.669	5.524.363.637	(62.079.286.935)	-
Cộng	115.048.998.691	660.604.859.371	18.763.150.585	(62.079.286.935)	732.337.721.712
Lợi nhuận gộp bộ phận	24.183.672.105	71.951.598.937	4.820.686.346	(5.091.540.418)	95.864.416.970
Doanh thu hoạt động tài chính					33.687.998.072
Chi phí tài chính					36.983.262.292
Chi phí bán hàng					76.534.443
Chi phí quản lý doanh nghiệp					31.033.814.498
Thu nhập khác					13.655.054.307
Chi phí khác					6.464.524.091
Chi phí thuế TNDN hiện hành					14.666.366.186
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(904.415.040)
Tổng lợi nhuận sau thuế					54.887.382.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng		
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17.276.362.210	666.037.105
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	12.603.932.389	19.883.594.451
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.662.271.455	985.680.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.445.815.347	49.018.200.071
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	438.684.834	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	11.332.527	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	73.620.073.257
Cộng	35.194.383.946	145.929.570.068
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	35.550.000	35.550.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	16.500.000
Cộng	35.550.000	52.050.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	197.574.190.058	175.070.876.025
Cộng	197.574.190.058	175.070.876.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (tiếp theo):

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khác		
Lãi phải thu CII	10.356.121.582	-
Lãi trái phiếu phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	7.566.666.667	-
Ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII để mua cổ phần của Công ty con	-	78.000.000.000
Cộng	17.922.788.249	78.000.000.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	12.503.702.630
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	1.830.943.576	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	273.845.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	12.843.000
Cộng	7.104.788.576	12.516.545.630
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	241.075.263.282	3.507.412.334
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	171.821.982.226	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	21.787.546.006	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	113.777.119.094
Cộng	434.684.791.514	117.284.531.428
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả CII	21.165.112.000	-
Cộng	21.165.112.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	271.003.439.508	44.562.000.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	96.599.852.788	124.125.347.052
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và trạm thu phí Cà Ná</i>	37.886.308.195	153.829.416.261
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII: <i>Khối lượng thi công các công trình và doanh thu bán hàng hóa</i>	36.391.508.737	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	30.514.784.532	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn: <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	19.090.874.968	127.830.886.764
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án DT741</i>	27.288.801.949	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII: <i>Khối lượng duy tu công trình đường Nguyễn Hoàng</i>	398.804.394	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh: <i>Khối lượng thi công các đợt thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	-	243.341.448.631
Cộng	519.174.375.071	693.689.098.773
Doanh thu tài chính		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	25.704.823.129	2.824.029.133
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	7.566.666.667	-
Cộng	33.271.489.796	2.824.029.133
Chi phí tài chính		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	13.695.387.514	9.531.942.201
Cộng	13.695.387.514	9.531.942.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo):

	2017 VND	2016 VND
Giao dịch khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	471.000.000.000	741.900.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	264.485.977.280	851.393.706.786
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	247.000.000.000	260.369.004.831
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	15.583.188.649	68.296.016.485
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 18/2017	316.500.000.000	-
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 18/2017	314.175.743.029	-
Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	3.514.022.720	14.849.548.421
Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 18/2017	5.174.256.971	-
Thu chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 41/2016	10.416.811.351	2.703.983.515
Trích cổ tức phải trả năm 2016	21.165.112.000	-
Chuyển tiền cổ tức	-	92.453.719.590
Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm	1.028.837.608	181.464.045.114
Điều chỉnh cổ tức phải trả năm 2015	-	717.817.241
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	345.102.548.927	115.742.122.308
Chuyển trả lại tiền thi công gói thầu 5A do tạm ứng dư	1.274.859.912	-
Mua trái phiếu	120.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:		
Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A	10.918.582.259	208.666.331.896
Chuyển tiền thực hiện công trình Trạm thu phí Cà Ná	-	1.071.452.705
Thu tiền gói thầu XL8 qua Lương Cách	2.481.869.160	
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	11.664.162.490	18.455.590.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo):

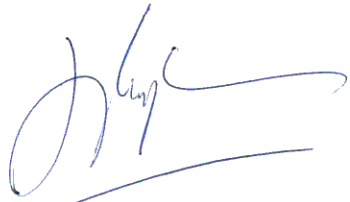
	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn:		
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 1	-	13.805.539.970
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 2	94.620.035.721	19.458.158.700
Chuyển trả tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi theo quyết toán giai đoạn 1	-	11.578.561.026
Chi phí súc xả khử trùng tuyến ống	466.028.036	1.515.762.105
Chuyển trả tiền súc xả khử trùng tuyến ống	500.054.128	1.584.660.383
Chi phí khắc phục sự cố	-	11.675.455
Thanh toán tiền khắc phục sự cố	12.843.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	402.680.861.180	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm, thi công xây lắp công trình DT 741, duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741 và bán hàng hóa	25.841.090.689	3.500.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	55.353.808.993	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Cố tức được chia từ Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	-	7.800.000.000
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	78.000.000.000	-
Thu tiền thi công và bán vật tư	47.309.835.676	-
Chi phí mua vật tư	1.664.494.160	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng:		
Thanh toán tiền thi công	109.681.818	364.556.245
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	368.495.454	316.414.768
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2	17.528.305.086	22.941.636.342
Thu lại tiền mua ống và phụ kiện	-	3.766.997.830
Nhập kho ống và phụ kiện	9.113.274.960	29.041.217.247
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ phát sinh trong kỳ	664.609.527	-
Thanh toán tiền thuê mặt bằng và phí dịch vụ phát sinh	731.070.480	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

	2017 VND	2016 VND
Lương và thưởng	2.126.593.102	2.378.590.856
		
Nguyễn Thị Khánh Phương Người lập biểu Ngày 26 tháng 3 năm 2018	Bùi Xuân Phước Kế toán trưởng	Phùng Văn Hiền Tổng Giám đốc

